

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Chiền;

Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Ngọc T, sinh năm 1963 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Số 32, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phan Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phan Thị N N, sinh năm

1990. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn N: Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông N không đến, không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Ngọc T. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại ấp Long Châu, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Bà Phan Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông N.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà **Phan Ngọc T** và ông **Nguyễn Văn N** chung sống với nhau vào năm 1986 là hôn nhân tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Thấy rằng, theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân thực tế. Do đó hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, thời gian đầu bà T và ông N chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà T trình bày là do sau khi bà sinh con, ông N

thường hay vắng nhà nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sau đó ông N bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ 1990 cho đến nay. Phía ông N, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, nhưng ông N không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên không có ý kiến trình bày.

[3] Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian ly thân giữa bà T và ông N đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông N.

[4] Về con chung: Bà **Phan Ngọc T** và ông **Nguyễn Văn N** có một con chung tên Phan Thị N N, sinh năm 1990. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Phan Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Phan Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Ngọc T và ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Bà **Phan Ngọc T** và ông **Nguyễn Văn N** có một con chung tên Phan Thị N N, sinh năm 1990. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số **0007969** ngày **12/01/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà **T** đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng